

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**  
**Thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**  
**và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên tổ chức cộng đồng:.....
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:.....
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp): .....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp: .....

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.
2. Bầu người đại diện của tổ chức cộng đồng.
3. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về:
  - Danh sách thành viên tham gia tổ chức cộng đồng.
  - Dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý.
  - Dự thảo Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.
  - Các vấn đề khác (nếu có).

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng ..... năm ..... tại [tên địa điểm tổ chức đại hội].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

**ĐẠI DIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**  
**Thông qua nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận**  
**và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên tổ chức cộng đồng:.....
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:.....
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp): .....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp: .....

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.

2. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

- Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân).
- Tên người đại diện của tổ chức cộng đồng.
- Phạm vi quyền quản lý được giao.
- Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao.
- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.
- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng ..... năm ..... tại [tên địa điểm tổ chức đại hội].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06.BT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH .... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-....

....., ngày.....tháng.....năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng  
 thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại .....**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số ..../2019/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ văn bản hiệp thương giữa Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có);

Xét văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của .....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản như sau:

1. Người đại diện [tên tổ chức cộng đồng]: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số chứng minh thư/thẻ căn cước, thường trú tại .....

2. Công nhận Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Quyết định này.

3. Nội dung khác (nếu có)

**Điều 2.** Giao quyền quản lý cho [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực [vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao] (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý kèm theo Quyết định này).

Phạm vi quyền được giao bao gồm: [ghi cụ thể quyền được giao theo đề nghị của tổ chức cộng đồng và quy định tại Luật Thủy sản].

Nội dung khác (nếu có)

**Điều 3.** [tên tổ chức cộng đồng] có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản theo đúng nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4.** Giao [tên các đơn vị có liên quan như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng,...] tổ chức thực hiện, theo dõi, hỗ trợ tổ chức cộng đồng thực hiện nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này [ghi nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị].

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện....., Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã....., [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;

- .....

- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-....

....., ngày.....tháng.....năm .....

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng  
thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại .....**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ .....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;  
Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2019 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;  
Xét văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý  
cho tổ chức cộng đồng của .....,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận [tên tổ chức cộng đồng] tham gia thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản chi tiết như sau:

1. Người đại diện [tên tổ chức cộng đồng]: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số chứng minh thư/thẻ căn cước, thường trú tại .....

2. Công nhận Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo nội dung tại Phụ lục Quyết định này.

3. Nội dung khác (nếu có)

**Điều 2.** Giao quyền quản lý cho [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực [vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao] (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Phạm vi quyền được giao bao gồm: [ghi cụ thể quyền được giao theo quy định tại Luật Thủy sản].

Nội dung khác (nếu có)

**Điều 3.** [tên tổ chức cộng đồng] có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản theo đúng nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4.** Giao [tên các đơn vị có liên quan như Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân xã, Đoàn biên phòng,...] tổ chức thực hiện, theo dõi, hỗ trợ tổ chức cộng đồng thực hiện nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này [ghi nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị].

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã....., [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;

- .....

- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Mẫu số 07.BT

**TÊN TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN  
 VÀ GIAO QUYỀN CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG THỰC HIỆN  
 ĐỒNG QUẢN LÝ TRONG BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh .....  
 hoặc Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố .....

Tên tôi là:..... Giới tính:.....

Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]

[Tên tổ chức cộng đồng] được công nhận và giao quyền quản lý thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Quyết định số..... ngày.....của Ủy ban nhân dân tỉnh.... hoặc Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.

Sau một thời gian hoạt động theo các nội dung được công nhận và giao quyền quản lý, chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân);
2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng;
3. Phạm vi quyền quản lý được giao;
4. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao;
5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản;
6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... hoặc Ủy ban nhân dân huyện/ thị xã/thành phố xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số .....ngày .....để [Tên tổ chức cộng đồng] hoạt động được hiệu quả hơn.

....., ngày ..... tháng .....năm .....

**TM. TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08.BT

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH .... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-....

....., ngày.....tháng.....năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận  
và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý  
trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại .....**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ văn bản hiệp thương giữa Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có);

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ... tháng ... năm .... của Ủy ban nhân dân tỉnh .... công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....;

Xét văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của .....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại.... như sau: [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng.
2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số chứng minh thư/thẻ căn cước, thường trú tại .....
3. Phạm vi quyền quản lý được giao.
4. Vị trí, ranh giới khu vực thực hiện đồng quản lý (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý kèm theo Quyết định này).
5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản kèm theo Phụ lục Quyết định này.
6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Phụ lục Quyết định này.
7. Nội dung khác (nếu có).



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung không quy định tại Điều 1 Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số ..... ngày ... tháng ... năm .... của Ủy ban nhân dân tỉnh .... công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện....., Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã....., [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- .....
- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-....

....., ngày.....tháng.....năm .....

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận  
và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý  
trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại .....**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ... tháng ... năm .... của Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố .... công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại ....;

Xét văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của .....,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại.... chi tiết như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng.
2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số chứng minh thư/thẻ căn cước, thường trú tại .....
3. Phạm vi quyền quản lý được giao.
4. Vị trí, ranh giới khu vực thực hiện đồng quản lý (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý kèm theo Quyết định này).
5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản kèm theo Quyết định này.
6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Phụ lục Quyết định này.
7. Nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung không quy định tại Điều 1 Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số ..... ngày ... tháng ... năm .... của Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố .... công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện....., Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã....., [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- .....
- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN**

**Bàn giao loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm**

Hôm nay, ngày....tháng.....năm....., tại xã ....., huyện....., tỉnh....., chúng tôi gồm:

**I. BÊN GIAO: (tổ chức/cá nhân khai thác hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản tại địa phương)**

1. Ông/bà:.....Số điện thoại:.....  
- Mã số định danh cá nhân/số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân:.....

2. Ông/bà: .....  
- Mã số định danh cá nhân/số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân:.....

**II. BÊN NHẬN: Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam/Cơ quan nghiên cứu khoa học/Cơ sở có chức năng cứu hộ, đại diện là:**

1. Ông/bà:.....

2. Ông/bà: .....

**III. ĐẠI DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC (nếu có):**

1. Ông/bà:.....

2. Ông/bà:.....

Các bên đã thỏa thuận về việc chuyển giao mẫu vật với các nội dung cụ thể sau:

1. Ông/bà ..... bàn giao cho Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam/cơ quan nghiên cứu khoa học/Cơ sở có chức năng cứu hộ loài thủy sản [số lượng mẫu vật] có nguồn gốc từ .....do.....(phát hiện, đánh bắt, tịch thu,...) vào ngày.....tháng.....năm.....;

Đặc điểm mẫu vật tại thời điểm chuyển giao:

Mẫu thứ 1:.....

Mẫu thứ 2:.....

Mẫu thứ n:.....

2. Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam/cơ quan nghiên cứu khoa học/Cơ sở có chức năng cứu hộ loài thủy sản thanh toán cho ông/bà.....các khoản chi phí vận chuyển từ ngoài khơi, cất giữ, bảo quản, thông tin liên lạc, ..... với tổng số tiền là: .....đồng (bằng chữ:.....)

3. Số mẫu vật trên được Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam/cơ quan nghiên cứu khoa học/Cơ sở có chức năng cứu hộ loài thủy sản vận chuyển về ..... để chế tác thành mẫu vật trưng bày theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Biên bản được lập thành 04 bản, Bên giao giữ 01 bản, Bên nhận giữ 03 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

**BÊN GIAO**

**CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC  
(nếu có)**

**BÊN NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP VĂN BẢN CHẤP THUẬN**  
**KHAI THÁC LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

---

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản.

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập tổ chức (đối với tổ chức - ghi rõ số, ngày cấp, cơ quan cấp): .....

Mã số định danh/Số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại liên hệ: .....

Đề nghị Tổng cục Thủy sản cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, chi tiết như sau:

1. Mục đích khai thác: .....

2. Đối tượng, thời gian, phương tiện, ngư cụ khai thác:

TT	Tên loài		Số lượng/ khối lượng khai thác	Vùng khai thác	Thời gian khai thác (dự kiến)	Phương tiện khai thác	Ngư cụ khai thác
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học					
1							
2							
3							
...							

3. Các tài liệu, hồ sơ kèm theo:

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng mục đích, phương án khai thác và quy định pháp luật về thủy sản.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC LOÀI THỦY SẢN  
NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

---

**1. Đặt vấn đề:**

Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành, quá trình thực hiện các hoạt động có liên quan,... của đơn vị tư vấn, tổ chức, cá nhân thực hiện việc khai thác; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và những nghiên cứu đã được thực hiện ở địa bàn trước đây và các thông tin khác có liên quan. Số liệu đánh giá tổng thể về quần thể loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm trên thế giới (nếu có) và ở Việt Nam.

**2. Tổng quan khu vực thực hiện:**

Nêu rõ địa điểm, ranh giới, diện tích khu vực khai thác; hiện trạng nguồn lợi thủy sản ở khu vực dự kiến khai thác.

**3. Phương pháp, thời gian thực hiện** (thống kê các nội dung điều tra và các phương pháp đã thực hiện các nội dung đó, kèm theo các mẫu biểu nếu có):

**4. Đề xuất phương án khai thác:** Phương tiện, công cụ, hình thức khai thác.

**5. Kết quả dự kiến của nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu, hợp tác quốc tế:**

**6. Kết luận và kiến nghị:**

**7. Phụ lục:** Trình bày những thông tin chưa được nêu trong phần kết quả như: danh mục loài thủy sản, các bảng số liệu, hình ảnh và các tài liệu khác có liên quan.

**8. Tài liệu tham khảo:**.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Mẫu số 12.BT

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... /TCTS-.....  
V/v chấp thuận khai thác loài thủy sản  
nguy cấp, quý, hiếm

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: .....

Căn cứ Luật Thủy sản 2017; Nghị định số... /2019/NĐ-CP về việc .....;  
Trên cơ sở hồ sơ của (tổ chức/cá nhân)....., Tổng cục Thủy sản đồng ý  
cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm cho:

Tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: . .....

Giấy phép đăng ký kinh doanh/Thông tin cá nhân: .....

Giấy phép khai thác thủy sản số (nếu có): .....

Khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm phục vụ mục đích....., chi  
tiết như sau:

TT	Tên loài		Số lượng/ khối lượng khai thác	Vùng khai thác	Thời gian khai thác	Phương tiện khai thác	Loại nghề khai thác
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học					
1							
2							
3							
...							

Giao (tên cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh) kiểm tra, giám sát hoạt  
động khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn quản lý.

Tổ chức, cá nhân khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có trách  
nhiệm thực hiện theo đúng mục đích, phương án khai thác và quy định pháp  
luật có liên quan.

Văn bản này có giá trị đến hết ngày .... tháng.... năm .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan quản lý về thủy sản cấp tỉnh (đề p/h);
- .....;
- Lưu: VT, .....

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**





## Phụ lục II

### DANH MỤC LOẠI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP

ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ)

#### PHẦN I. NHÓM I

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
<b>I</b>	<b>LỚP ĐỘNG VẬT CÓ VÚ</b>	<b>MAMMALIAS</b>
1.	Họ cá heo biển (tất cả các loài, trừ cá heo trắng trung hoa - <i>Sousa chinensis</i> )	Delphinidae
2.	Họ cá heo chuột (tất cả các loài)	Phocoenidae
3.	Họ cá heo nước ngọt (tất cả các loài)	Platanistidae
4.	Họ cá voi lưng gù (tất cả các loài)	Balaenopteridae
5.	Họ cá voi mõm khoằm (tất cả các loài)	Ziphiidae
6.	Họ cá voi nhỏ (tất cả các loài)	Physeteridae
<b>II</b>	<b>LỚP CÁ XƯƠNG</b>	<b>OSTEICHTHYES</b>
7.	Cá chình mun	<i>Anguilla bicolor</i>
8.	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
9.	Cá chấy bắc	<i>Tenualosa reevesii</i>
10.	Cá mòi đường	<i>Albula vulpes</i>
11.	Cá đé	<i>Ilisha elongata</i>
12.	Cá thát lát không lò	<i>Chitala lopis</i>
13.	Cá anh vũ	<i>Semilabeo obscurus</i>
14.	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
15.	Cá hô	<i>Catlocarpio siamensis</i>
16.	Cá học trò	<i>Balantiocheilos ambusticauda</i>
17.	Cá lợ thân cao (Cá lợ)	<i>Cyprinus hyperdorsalis</i>
18.	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
19.	Cá măng giả	<i>Luciocyprinus langsoni</i>
20.	Cá may	<i>Gyrinocheilus aymonieri</i>
21.	Cá mè huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
22.	Cá môn (Cá rồng)	<i>Scleropages formosus</i>
23.	Cá pạo (Cá mè)	<i>Sinilabeo graffeuilli</i>
24.	Cá rai	<i>Neolisochilus benasi</i>
25.	Cá tróc	<i>Acrossocheilus annamensis</i>
26.	Cá trử	<i>Cyprinus dai</i>
27.	Cá thom	<i>Plecoglossus altivelis</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
28.	Cá niết cúc phương	<i>Pterocryptis cucphuongensis</i>
29.	Cá tra dầu	<i>Pangasianodon gigas</i>
30.	Cá chen bầu	<i>Ompok bimaculatus</i>
31.	Cá vô cờ	<i>Pangasius sanitwongsei</i>
32.	Cá sơn đài	<i>Ompok miostoma</i>
33.	Cá bóm đá	<i>Gyrinocheilus pennocki</i>
34.	Cá trê tối	<i>Clarias meladerma</i>
35.	Cá trê trắng	<i>Clarias batrachus</i>
36.	Cá trèo đồi	<i>Chana asiatica</i>
37.	Cá bàng chài vân sóng	<i>Cheilinus undulatus</i>
38.	Cá dao cạo	<i>Solenostomus paradoxus</i>
39.	Cá dây lưng gù	<i>Cyttopsis cypho</i>
40.	Cá kèn trung quốc	<i>Aulostomus chinensis</i>
41.	Cá mặt quỷ	<i>Scorpaenopsis diabolus</i>
42.	Cá mặt trăng	<i>Mola mola</i>
43.	Cá mặt trăng đuôi nhọn	<i>Masturus lanceolatus</i>
44.	Cá nòng nọc nhật bản	<i>Ateleopus japonicus</i>
45.	Cá ngựa nhật	<i>Hippocampus japonicus</i>
46.	Cá đường (Cá sù giấy)	<i>Otolithoides biauratus</i>
47.	Cá kềm chấm vàng	<i>Plectorhynchus flavomaculatus</i>
48.	Cá kềm mép vây đen	<i>Plectorhynchus gibbosus</i>
49.	Cá song vân giun	<i>Epinephelus undulatostratus</i>
50.	Cá mó đầu u	<i>Bolbometopon muricatum</i>
51.	Cá mú dẹt	<i>Cromileptes altivelis</i>
52.	Cá mú chấm bé	<i>Plectropomus leopardus</i>
53.	Cá mú sọc trắng	<i>Anyperodon leucogrammicus</i>
54.	Cá hoàng đế	<i>Pomacanthus imperator</i>
<b>III</b>	<b>LỚP CÁ SỤN</b>	<b>CHONDRICHTHYES</b>
55.	Các loài cá đuối nặng	<i>Mobula sp.</i>
56.	Các loài cá đuối ó mặt quỷ	<i>Manta sp.</i>
57.	Cá đuối quạt	<i>Okamejei kenojei</i>
58.	Cá giống mõm tròn	<i>Rhina ancylostoma</i>
59.	Cá mập đầu bạc	<i>Carcharhinus albimarginatus</i>
60.	Cá mập đầu búa hình vỏ sò	<i>Sphyrna lewini</i>
61.	Cá mập đầu búa lớn	<i>Sphyrna mokarran</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
62.	Cá mập đầu búa tron	<i>Sphyrna zygaena</i>
63.	Cá mập đầu vây trắng	<i>Carcharhinus longimanus</i>
64.	Cá mập đốm đen đỉnh đuôi	<i>Carcharhinus melanopterus</i>
65.	Cá mập hiền	<i>Carcharhinus amblyrhynchoides</i>
66.	Cá mập lơ cát	<i>Carcharhinus leucas</i>
67.	Cá mập lưa	<i>Carcharhinus falciformis</i>
68.	Cá mập trắng lớn	<i>Carcharodon carcharias</i>
69.	Cá nhám lông nhung	<i>Cephaloscyllium umbratile</i>
70.	Cá nhám nâu	<i>Etmopterus lucifer</i>
71.	Cá nhám nhu mì	<i>Stegostoma fasciatum</i>
72.	Cá nhám răng	<i>Rhizoprionodon acutus</i>
73.	Cá nhám thu	<i>Lamna nasus</i>
74.	Cá nhám thu/cá mập sâu	<i>Pseudocarcharias kamoharai</i>
75.	Cá nhám voi	<i>Rhincodon typus</i>
76.	Các loài cá đao	<i>Pristidae spp.</i>
77.	Các loài cá mập đuôi dài	<i>Alopias spp.</i>
<b>IV</b>	<b>LỚP HAI MẢNH VỎ</b>	<b>BIVALVIA</b>
78.	Trai bầu dục cánh cung	<i>Margaritanopsis laosensis</i>
79.	Trai cóc dày	<i>Gibbosula crassa</i>
80.	Trai cóc hình lá	<i>Lamprotula blaisei</i>
81.	Trai cóc nhẵn	<i>Cuneopsis demangei</i>
82.	Trai cóc vuông	<i>Protunio messengeri</i>
83.	Trai mẫu sơn	<i>Contradens fultoni</i>
84.	Trai sông bằng	<i>Pseudobaphia banggiangensis</i>
<b>V</b>	<b>LỚP CHÂN BỤNG</b>	<b>GASTROPODA</b>
85.	Các loài trai tai tượng	<i>Tridacna spp.</i>
86.	Họ ốc anh vũ (tất cả các loài)	<i>Nautilidae</i>
87.	Ốc đụn cái	<i>Tectus niloticus</i>
88.	Ốc đụn đực	<i>Tectus pyramis</i>
89.	Ốc mút vệt nâu	<i>Cremnoconchus messengeri</i>
90.	Ốc sứ mắt trĩ	<i>Cypraea argus</i>
91.	Ốc tù và	<i>Charonia tritonis</i>
92.	Ốc xà cừ	<i>Turbo marmoratus</i>
<b>VI</b>	<b>LỚP SAN HỒ</b>	<b>ANTHOZOA</b>
93.	Bộ san hô đá (tất cả các loài)	<i>Scleractinia</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
94.	Bộ san hô cứng (tất cả các loài)	Stolonifera
95.	Bộ san hô đen (tất cả các loài)	Antipatharia
96.	Bộ san hô sừng (tất cả các loài)	Gorgonacea
97.	Bộ san hô xanh (tất cả các loài)	Helioporacea
<b>VII</b>	<b>NGÀNH DA GAI</b>	<b>ECHINODERMATA</b>
98.	Cầu gai đá	<i>Heterocentrotus mammillatus</i>
99.	Hải sâm hổ phách	<i>Thelenota anax</i>
100.	Hải sâm lựu	<i>Thelenota ananas</i>
101.	Hải sâm mít hoa (Hải sâm dứa)	<i>Actinopyga mauritiana</i>
102.	Hải sâm trắng (Hải sâm cát)	<i>Holothuria (Metriatyla) scabra</i>
103.	Hải sâm vú	<i>Microthele nobilis</i>
<b>VIII</b>	<b>GIỚI THỰC VẬT</b>	<b>PLANTAE</b>
104.	Cỏ nân	<i>Halophila beccarii</i>
105.	Cỏ xoan đơn	<i>Halophila decipiens</i>
106.	Cỏ lãn biển	<i>Syringodium izoetifolium</i>
107.	Rong bắp sù	<i>Kappaphycus striatum</i>
108.	Rong bong bóng đỏ	<i>Scinaia boergesenii</i>
109.	Rong câu chân vịt	<i>Hydropuntia eucheumoides</i>
110.	Rong câu cong	<i>Gracilaria arcuata</i>
111.	Rong câu dẹp	<i>Gracilaria textorii</i>
112.	Rong câu đỏ	<i>Gracilaria rubra</i>
113.	Rong câu gậy	<i>Gracilaria blodgettii</i>
114.	Rong chân vịt nhọn	<i>Cryptonemia undulata</i>
115.	Rong đông gai dày	<i>Hypnea boergesenii</i>
116.	Rong đông sao	<i>Hypnea cornuta</i>
117.	Rong hồng mạc nhọn	<i>Halymenia dilatata</i>
118.	Rong hồng mạc trơn	<i>Halymenia maculata</i>
119.	Rong hồng vân	<i>Betaphycus gelatinum</i>
120.	Rong hồng vân thối	<i>Eucheuma arnoldii</i>
121.	Rong kỳ lân	<i>Kappaphycus cottonii</i>
122.	Rong mơ	<i>Sargassum quinhonensis</i>
123.	Rong mơ mềm	<i>Sargassum tenerrimum</i>
124.	Rong nhót	<i>Helminthodadia australis</i>
125.	Rong sụn gai	<i>Eucheuma denticulatum</i>
126.	Rong tóc tiên	<i>Bangia fuscopurpurea</i>

## PHẦN II. NHÓM II

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thời gian cấm khai thác trong năm (ngày/tháng)	Kích thước tối thiểu cho phép khai thác (Tổng chiều dài (TL) tính theo cm)
<b>I</b>	<b>LỚP CÁ</b>			
1.	Cá bống	<i>Spinibarbus denticulatus</i>	1/4 - 31/8	≥ 50
2.	Cá cày	<i>Paraspinibarbus macracanthus</i>	1/4 - 31/8	≥ 40
3.	Cá cháo biển	<i>Elops saurus</i>		≥ 20
4.	Cá cháo lớn	<i>Megalops cyprinoides</i>	1/3 - 1/6	≥ 20
5.	Cá chày đất	<i>Spinibarbus hollandi</i>	1/4 - 31/8	≥ 30
6.	Cá chiên	<i>Bagarius rutilus</i>	1/4 - 31/7	≥ 45
7.	Cá chiên bạc	<i>Bagarius yarrelli</i>	1/4 - 31/8	≥ 45
8.	Cá chình hoa	<i>Anguilla marmorata</i>	1/3 - 30/4	
9.	Cá chình nhọn	<i>Anguilla borneensis</i>	1/3 - 30/4	
10.	Cá còm (cá nạng hai)	<i>Chitala ornata</i>	1/5 - 30/10	≥ 40
11.	Cá còm hoa (Thát lát cườm)	<i>Chitala blanci</i>	1/5 - 30/10	≥ 40
12.	Cá đánh bông	<i>Puntioplites bulu</i>	1/6 - 31/10	≥ 30
13.	Cá đuông	<i>Cirrhinus microlepis</i>	1/4 - 31/8	≥ 30
14.	Cá đuông bay	<i>Cosmochilus harmandi</i>	1/6 - 31/9	≥ 30
15.	Cá ét mọi	<i>Morulius chrysophekadion</i>	1/5 - 31/9	≥ 20
16.	Cá he đỏ	<i>Barbonymus altus</i>	1/6 - 31/9	≥ 30
17.	Cá he vàng	<i>Barbonymus chwanenfeldi</i>	1/4 - 31/9	≥ 30
18.	Cá hỏa	<i>Sinilabeo tonkinensis</i>		≥ 43
19.	Cá hường	<i>Datnioides microlepis</i>	1/4 - 31/8	≥ 20
20.	Cá hường vện	<i>Datnioides quadrifasciatus</i>	1/6 - 31/8	≥ 20
21.	Cá lăng (Cá lăng chấm)	<i>Hemibagrus guttatus</i>	1/4 - 31/7	≥ 56
22.	Cá lăng đen	<i>Hemibagrus pluriradiatus</i>	1/4 - 31/7	≥ 50

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thời gian cấm khai thác trong năm (ngày/tháng)	Kích thước tối thiểu cho phép khai thác (Tổng chiều dài (TL) tính theo cm)
23.	Cá măng (Cá măng đậm)	<i>Elopichthys bambusa</i>	1/4 - 30/7	
24.	Cá măng sữa	<i>Chanos chanos</i>	1/3 - 31/5	
25.	Cá mè cò chám	<i>Knonsirus punctatus</i>	1/4 - 31/8	≥ 20
26.	Cá mè cò hoa (Cá mè cò)	<i>Clupanodon thrissa</i>	1/4 - 31/8	≥ 20
27.	Cá mè không răng	<i>Anodontosma chacunda</i>	1/11 - 30/1	≥ 10
28.	Cá mè mõm tròn	<i>Nematalosa nasus</i>	1/4 - 31/7	
29.	Cá mõm trâu	<i>Bangana behri</i>	1/5 - 31/9	≥ 30
30.	Cá ngạnh	<i>Cranoglamis boudierius</i>		≥ 21
31.	Cá nựa	<i>Tor mekongensis</i>	1/6 - 31/10	≥ 30
32.	Cá nựa bắc	<i>Tor (Folifer) brevifilis</i>	1/4 - 31/8	≥ 20
33.	Cá nựa nam	<i>Hampala macrolepidota</i>		≥ 18
34.	Cá nựa xám	<i>Tor tambroides</i>	1/4 - 31/8	≥ 30
35.	Cá rằm xanh	<i>Sinilabeo lemassoni</i>		≥ 25
36.	Cá sinh (niên)	<i>Onychostoma gerlachi</i>	1/4 - 31/8	≥ 30
37.	Cá sinh gai	<i>Onychostoma laticeps</i>	1/4 - 31/8	≥ 20
38.	Cá sù	<i>Boesemania microlepis</i>	1/4 - 31/8	≥ 60
39.	Cá thái hồ	<i>Datnioides pulcher</i>	1/6 - 31/8	≥ 20
40.	Cá trà sóc	<i>Probarbus jullieni</i>	1/12 - 30/1 năm sau	
41.	Cá trên	<i>Ompok siluoides</i>	1/4 - 31/8	≥ 40

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thời gian cấm khai thác trong năm (ngày/tháng)	Kích thước tối thiểu cho phép khai thác (Tổng chiều dài (TL) tính theo cm)
42.	Cá vền	<i>Megalobrama terminalis</i>		≥ 23
43.	Cá kim	<i>Schindleria praematura</i>	1/6 -31/7	
44.	Cá ngựa chấm	<i>Hippocampus trimaculatus</i>	1/5 – 1/8	≥14
45.	Cá ngựa đen	<i>Hippocampus kuda</i>	1/9 – 1/12	≥12
46.	Cá ngựa gai	<i>Hippocampus histrix</i>	1/5 - 1/8	≥ 15
47.	Cá ngựa ken lô	<i>Hippocampus kelloggi</i>	1/5 - 1/8	≥ 20
48.	Cá mú hoa nâu	<i>Eninephelus fuscoguttatus</i>	1/3-1/6	≥ 40
49.	Cá đù đầu lớn	<i>Collichthys lucidus</i>	1/1-30/4	≥ 10
<b>II</b>	<b>GIÁP XÁC</b>			
50.	Cua đá	<i>Gecarcoidea lalandii</i>		≥ 7*
51.	Cua hoàng đế	<i>Ranina ranina</i>		≥ 10*
52.	Tôm hùm bông	<i>Panulirus ornatus</i>	1/4 - 30/5	
53.	Tôm hùm đá	<i>Panulirus homarus</i>	1/4 - 30/5	
54.	Tôm hùm đỏ	<i>Panulirus longipes</i>	1/4 - 30/5	
55.	Tôm hùm kiếm ba góc	<i>Linuparus trigonus</i>	1/4 - 30/5	
56.	Tôm hùm lông đỏ	<i>Palinurellus gundlachi wieneckii</i>	1/4 - 30/5	
57.	Tôm hùm sen	<i>Panulirus versicolor</i>	1/4 - 30/5	
58.	Tôm vồ biển sâu	<i>Ibacus ciliatus</i>	1/4 - 30/5	
59.	Tôm vồ dẹp trắng	<i>Themus orientalis</i>	1/4 - 30/5	
60.	Tôm vồ xanh	<i>Parribacus antarcticus</i>	1/4 - 30/5	

\* Kích thước mai



### Phụ lục III

## CÁC BIỂU MẪU TRONG LĨNH VỰC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP  
ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ)

TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1.	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	Mẫu số 01.NT
2.	Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	Mẫu số 02.NT
3.	Biên bản kiểm tra cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	Mẫu số 03.NT
4.	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	Mẫu số 04.NT
5.	Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu giống thủy sản	Mẫu số 05.NT
6.	Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản	Mẫu số 06.NT
7.	Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản	Mẫu số 07.NT
8.	Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản	Mẫu số 08.NT
9.	Biên bản kiểm tra cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản	Mẫu số 09.NT
10.	Quyết định phê duyệt Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản	Mẫu số 10.NT
11.	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 11.NT
12.	Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 12.NT
13.	Biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản/sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 13.NT
14.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 14.NT
15.	Đơn đăng ký nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để trưng bày tại hội chợ, triển lãm/đề nghiên cứu	Mẫu số 15.NT
16.	Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 16.NT
17.	Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 17.NT
18.	Đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 18.NT
19.	Bản thuyết minh điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 19.NT
20.	Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 20.NT
21.	Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 21.NT



22.	Quyết định về việc công nhận thức ăn thủy sản/sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm	Mẫu số 22.NT
23.	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 23.NT
24.	Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 24.NT
25.	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 25.NT
26.	Đơn đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Mẫu số 26.NT
27.	Đơn đăng ký lại nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Mẫu số 27.NT
28.	Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Mẫu số 28.NT
29.	Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển	Mẫu số 29.NT
30.	Đề cương thuyết minh dự án nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 30.NT
31.	Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển	Mẫu số 31.NT
32.	Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên	Mẫu số 32.NT
33.	Sổ theo dõi nuôi sinh trưởng, sinh sản, trồng cấy nhân tạo loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Mẫu số 33.NT
34.	Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 34.NT
35.	Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Mẫu số 35.NT
36.	Đơn đề nghị cấp phép xuất khẩu loài/giống thủy sản	Mẫu số 36.NT
37.	Giấy phép xuất khẩu loài/giống thủy sản	Mẫu số 37.NT

Mẫu số 01.NT

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày.....tháng .....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN**

Kính gửi: (\*) .....

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... Số fax: .....Email: .....

Địa chỉ nơi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản: .....

Số điện thoại: ..... Số fax: .....Email: .....

Đề nghị được kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

- Sản xuất giống thủy sản bố mẹ - Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản - Ương dưỡng giống thủy sản Đăng ký cấp lần đầu: Đăng ký cấp lại: 

Hồ sơ và tài liệu kèm theo đơn đề nghị này, gồm:

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

**CHỦ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ KIỂM TRA**  
(Ký tên, đóng dấu nếu có)**Ghi chú:** (\*) Gửi Tổng cục Thủy sản nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở sản xuất giống thủy sản bố mẹ; gửi Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT  
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN**

---

Kính gửi: (\*) .....

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... Số fax: .....Email: .....

Địa chỉ nơi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản: .....

Số điện thoại: ..... Số fax: .....Email: .....

Nội dung thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất<sup>1</sup>: .....

.....

2. Trang thiết bị<sup>2</sup>: .....

.....

3. Hồ sơ<sup>3</sup>: .....

.....

4. Danh mục các đối tượng sản xuất, ương dưỡng tại cơ sở:.....

.....

....., ngày .... tháng ... năm .....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

**Ghi chú:** (\*) Gửi Tổng cục Thủy sản nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở sản xuất giống thủy sản bố mẹ; gửi Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ).

---

<sup>1</sup> Mô tả diện tích; quy mô; các khu sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản... kèm theo sơ đồ khu sản xuất, ương dưỡng (nếu có).

<sup>2</sup> Nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

<sup>3</sup> Giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ theo dõi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản...

TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

**BIÊN BẢN****Kiểm tra cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản****I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Căn cứ kiểm tra: .....

**2. Thành phần Đoàn kiểm tra:**

- Ông/bà:..... Chức vụ: .....

- Ông/bà: ..... Chức vụ: .....

- Ông/bà: ..... Chức vụ: .....

**3. Thông tin cơ sở kiểm tra:**

- Tên cơ sở: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại:.....Số fax : ..... Email: .....

- Số giấy đăng ký kinh doanh/Số giấy phép đầu tư/Số quyết định thành lập: ...

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp: .....

- Đại diện của cơ sở:..... Chức vụ: .....

- Mã số cơ sở (nếu có):.....

**4. Địa điểm kiểm tra:**

- Địa chỉ: .....

- Số điện thoại: ..... Số fax: ..... Email: .....

**5. Đối tượng sản xuất, ương dưỡng:**.....  
.....

## II. NỘI DUNG KIỂM TRA

STT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra, hành động và thời gian khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
I	<b>KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC KHI CÓ THAY ĐỔI VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG</b>			
1	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất phù hợp với loài thủy sản			
a	Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học			
b	Hệ thống ao, bể, lồng bè bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học			
c	Khu chứa trang thiết bị, nguyên vật liệu bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp			
d	Khu sinh hoạt bảo đảm không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng			
đ	Trang thiết bị bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
e	Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng			
2	Có nơi cách ly theo dõi sức khỏe giống thủy sản mới nhập			
3	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học			
4	Xây dựng và áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, kiểm soát an toàn sinh học			
a	Nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng			
b	Giống thủy sản trong quá trình sản xuất			
c	Vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải			
d	Tiêu hủy xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy			
đ	Kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở			
e	Thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản			

5	Trường hợp sản xuất giống thủy sản bố mẹ phải có giống thủy sản thuần chủng hoặc giống thủy sản được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.			
II	<b>KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU</b>			
6	Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng giống thủy sản đã công bố			
7	Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng để bảo đảm chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã công bố; thực hiện ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phục vụ truy xuất nguồn gốc			
8	Sản xuất giống thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam			
9	Thực hiện ghi nhãn giống thủy sản theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa			
10	Cập nhật thông tin, báo cáo trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản theo quy định			
11	Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật			
12	Tuân thủ quy định về thời hạn sử dụng giống thủy sản bố mẹ			
<b>Số chỉ tiêu đánh giá thực tế</b>				
<b>Số chỉ tiêu đạt/không đạt</b>				

**III. LẤY MẪU** (kèm theo Biên bản lấy mẫu)

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu,..)

.....  
.....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

.....  
.....

**IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

.....  
.....

**V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:**

.....  
.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## **HƯỚNG DẪN KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN**

### **A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA**

#### 1. Ghi biểu mẫu kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
- Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

#### 2. Nguyên tắc đánh giá

- Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung, mức đánh giá đã được quy định trong chỉ tiêu.
- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc ✓ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải xác định thời hạn cơ sở phải khắc phục lỗi đó.

#### 3. Chỉ tiêu áp dụng

- Đối với chỉ tiêu từ 1 đến 5 áp dụng đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đăng ký kiểm tra cấp Giấy chứng nhận lần đầu.
- Đối với chỉ tiêu từ 1 đến 12 áp dụng đối với kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được Giấy chứng nhận.

### **B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU**

#### **I. KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC KHI CÓ THAY ĐỔI VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG**

##### 1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất phù hợp với loài thủy sản

a) Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học

Yêu cầu: Hệ thống xử lý nước cấp riêng biệt với hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải; hệ thống dẫn nước thải được xây đảm bảo chắc chắn, thoát nước nhanh, không ứ đọng, không gây mùi và ô nhiễm vào khu vực sản xuất, ương dưỡng.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trạng hệ thống xử lý nước cấp, nước thải.

b) Hệ thống ao, bể, lồng bè bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học

Yêu cầu: Hệ thống ao, bể, lồng bè phải bảo đảm diện tích, thể tích thích hợp, phù hợp với quy trình sản xuất giống của từng đối tượng; hệ thống ao, bể, lồng bè phục vụ nuôi vỗ, sinh sản, ương nuôi ấu trùng không làm bằng vật liệu dễ bị gỉ sét, gây ảnh hưởng xấu đến giống thủy sản.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trạng hệ thống ao, bể, lồng bè.



c) Khu chứa trang thiết bị, nguyên vật liệu bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp

Yêu cầu: Các khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu để phục vụ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đáp ứng yêu cầu của nhà sản xuất, nhà cung cấp như nhiệt độ bảo quản, độ ẩm, ánh sáng,... Khu chứa thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, ương dưỡng như máy sục khí, máy phát điện, chất tẩy rửa, dầu mỡ bôi trơn, xăng dầu, hóa chất dễ bay hơi,... phải ngăn cách vật lý để tránh việc nhiễm chéo vào thức ăn thủy sản, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trạng khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu.

**Ghi chú:** Ngăn cách vật lý là bao hàm việc sử dụng tường, vách ngăn hoặc là sự ngăn cách không gian đủ để ngăn ngừa nguy cơ nhiễm chéo.

d) Khu sinh hoạt bảo đảm không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng

Yêu cầu: Khu sinh hoạt như nhà ở, văn phòng, nhà vệ sinh trong khu vực sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phải bảo đảm có tường hoặc vách ngăn cánh để không ảnh hưởng xấu tới hoạt động sản xuất, ương dưỡng. Đối với nhà vệ sinh không bị rò rỉ ảnh hưởng đến môi trường.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường khu sinh hoạt.

đ) Trang thiết bị bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

Yêu cầu: Trang thiết bị phục vụ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản làm bằng vật liệu phù hợp, chống thấm, không gỉ sét, không bị ăn mòn, không có khả năng thôi nhiễm ra các chất độc hại ảnh hưởng đến giống thủy sản. Có thể vệ sinh sạch sẽ.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, xem xét tài liệu kỹ thuật liên quan đến bề mặt thiết bị, dụng cụ. Kiểm tra hồ sơ và các tài liệu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học.

e) Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng

Yêu cầu: Trang bị các loại thùng rác phù hợp để phân loại rác (rác thải sinh hoạt, tái chế và nguy hại), thùng chứa rác thải nguy hại cần có nắp đậy kín. Nơi chứa rác thải tách biệt với khu vực sản xuất. Nơi chứa rác thải nguy hại phải được để riêng, kín và có khóa.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường thiết bị thu gom và xử lý chất thải.

## 2. Khu cách ly thủy sản mới nhập

Yêu cầu: Cơ sở nhập khẩu giống thủy sản phải có khu cách ly; khu cách ly phải tách biệt với khu vực sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản. Nước thải, chất thải của khu nuôi cách ly phải đảm bảo không ảnh hưởng tới khu sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường.

3. Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học

Yêu cầu: Có bằng cấp liên quan về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học hoặc được đào tạo các khóa học liên quan đến lĩnh vực trên.

Phương pháp đánh giá: Xem xét hồ sơ bằng cấp, chứng chỉ liên quan, phỏng vấn về sự am hiểu về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học.

4. Xây dựng và áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, kiểm soát an toàn sinh học

a) Nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng

Nguồn nước phục vụ cho sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phải phù hợp với từng đối tượng. Chất lượng nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Phương pháp đánh giá: Xem xét kết quả liên quan đến thử nghiệm chất lượng nước như: kết quả quan trắc môi trường, kết quả thử nghiệm chất lượng nước,...

b) Giống thủy sản trong quá trình sản xuất

Yêu cầu: Cơ sở phải xây dựng và kiểm soát chất lượng giống và an toàn sinh học trong từng công đoạn của quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản: Giống thủy sản bố mẹ phải kiểm tra các loại bệnh nguy hiểm trước khi đưa vào sản xuất; quy trình chăm sóc; quy trình kiểm soát các loại bệnh nguy hiểm; không sử dụng thức ăn, thuốc, hoá chất, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản bị cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản; giống thủy sản trước khi xuất bán phải kiểm tra chất lượng và kiểm dịch theo quy định.

Các nội dung trên phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ kiểm soát quá trình sản xuất.

c) Vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải

Yêu cầu: Có quy định khu vực thu gom rác; quy định tần suất di chuyển về khu tập kết rác ra khỏi khu vực sản xuất, kho (tối thiểu theo ngày). Thuê cơ sở xử lý chất thải có năng lực theo yêu cầu của pháp luật. Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường về bố trí chỗ để rác, phân loại rác, xác nhận thực tế về tần suất di chuyển rác khỏi nhà xưởng. Xem xét các hồ sơ về xử lý rác thải như hợp đồng với nhà xử lý rác, hồ sơ năng lực nhà xử lý rác, biên bản giao nhận rác, ...

d) Tiêu hủy xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy

Yêu cầu: Thủy sản bị chết hoặc nhiễm các bệnh được thu gom, xử lý bằng các biện pháp thích hợp để không ảnh hưởng đến môi trường và lây lan dịch bệnh.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường kết hợp với kiểm tra hồ sơ quá trình xử lý thủy sản bị chết hoặc nhiễm bệnh.

đ) Kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở

Yêu cầu:

- Cơ sở phải có biện pháp kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường tự nhiên như dùng lưới chắn tại các hệ thống thoát nước, có ao chứa để kiểm soát giống thủy sản thoát ra ngoài môi trường tự nhiên.

- Cơ sở phải có biện pháp ngăn chặn động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường.

e) Thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Chỉ sử dụng thức ăn, thuốc, hoá chất, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản được phép sử dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Không chứa các chất cấm theo quy định.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ ghi chép quá trình sử dụng thức ăn, thuốc, hoá chất, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Đối chiếu với nhãn sản phẩm với cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản và danh mục thuốc thú y được phép sử dụng.

5. Trường hợp sản xuất giống thủy sản bố mẹ phải có giống thủy sản thuần chủng hoặc giống thủy sản được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép

Yêu cầu: Cơ sở sản xuất giống thủy sản bố mẹ phải có giống thủy sản thuần chủng hoặc giống thủy sản được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ nguồn gốc đàn thủy sản bố mẹ.

## **II. KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU**

6. Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng giống thủy sản đã công bố.

Yêu cầu: Có đầy đủ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đánh giá sự phù hợp của hồ sơ lưu trữ.

7. Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng để bảo đảm chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã công bố; thực hiện ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phục vụ truy xuất nguồn gốc.

Yêu cầu:

- Các quy trình, quy định nêu tại Mục 4.I phải được áp dụng đầy đủ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

- Quá trình áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng phải được ghi chép và lưu trữ để phục vụ truy xuất nguồn gốc.

Phương pháp đánh giá: Thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại Mục 4.I

8. Sản xuất giống thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.

Yêu cầu: Cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.

Phương pháp đánh giá: Đối chiếu với Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.

9. Thực hiện ghi nhãn giống thủy sản theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa

Yêu cầu: Thông tin ghi trên nhãn sản phẩm phải đúng quy định hiện hành về nhãn hàng hóa.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra nhãn sản phẩm đã sản xuất, lưu thông; đối chiếu quy định về nhãn hàng hóa và tiêu chuẩn công bố áp dụng để đánh giá sự phù hợp của việc ghi nhãn.

10. Cập nhật thông tin, báo cáo trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản theo quy định

Yêu cầu: Cơ sở phải cập nhật thông tin, báo cáo trong quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản theo quy định.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và đối chiếu với cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

11. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Yêu cầu: Cơ sở được thanh tra, kiểm tra phải phối hợp và chấp hành đúng quy định.

Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua việc chấp hành các quy định của pháp luật và phối hợp với cơ quan nhà nước trong thanh tra, kiểm tra.

12. Tuân thủ quy định về thời hạn sử dụng giống thủy sản bố mẹ

Yêu cầu: Cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản tuân thủ quy định về thời hạn sử dụng giống thủy sản bố mẹ.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ ghi chép quá trình nuôi giữ, sử dụng giống thủy sản bố mẹ và kết hợp với các hồ sơ nhập khẩu, hồ sơ kiểm dịch.

CƠ QUAN CẤP TRÊN  
CƠ QUAN CẤP GIẤY (\*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản**

Số: GTSAABBBB (\*\*\*)

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: ..... Số fax: ..... Email: .....

Địa chỉ nơi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản: .....

**Được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (\*\*)**

.....

.....

Hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện: Không thời hạn

....., ngày .... tháng .... năm....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

\* Tổng cục Thủy sản nếu là cơ sở sản xuất giống thủy sản bố mẹ; cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nếu là cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (ngoại trừ giống thủy sản bố mẹ).

\*\* Được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

Ghi cụ thể từng trường hợp

- Sản xuất giống thủy sản bố mẹ (ghi rõ đối tượng, kèm theo tên khoa học);

- Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (ghi rõ đối tượng, kèm theo tên khoa học);

- Ương dưỡng giống thủy sản (ghi rõ đối tượng, kèm theo tên khoa học).

\*\*\* Quy định cấp số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

- Mỗi số chỉ cấp duy nhất cho một cơ sở và cấp liên tiếp, lần lượt.

- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất được thu hồi, số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất không sử dụng để cấp cho cơ sở khác. Chỉ cấp lại cho cơ sở trước đó đã được cấp khi đủ điều kiện.

- Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất có cấu trúc như sau: **GTSAABBBB**

+ “GTS” thể hiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

+ “AA” gồm 2 chữ số la tinh thể hiện mã của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, cụ thể như sau:

++ Tổng cục Thủy sản có mã số **00**

++ Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có mã như sau:

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số	STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số
1	Thành phố Hà Nội	01	33	Tỉnh Quảng Nam	49
2	Tỉnh Hà Giang	02	34	Tỉnh Quảng Ngãi	51
3	Tỉnh Cao Bằng	04	35	Tỉnh Bình Định	52
4	Tỉnh Bắc Kạn	06	36	Tỉnh Phú Yên	54
5	Tỉnh Tuyên Quang	08	37	Tỉnh Khánh Hoà	56
6	Tỉnh Lào Cai	10	38	Tỉnh Ninh Thuận	58
7	Tỉnh Điện Biên	11	39	Tỉnh Bình Thuận	60
8	Tỉnh Lai Châu	12	40	Tỉnh Kon Tum	62
9	Tỉnh Sơn La	14	41	Tỉnh Gia Lai	64
10	Tỉnh Yên Bái	15	42	Tỉnh Đắk Lắk	66
11	Tỉnh Hoà Bình	17	43	Tỉnh Đắk Nông	67
12	Tỉnh Thái Nguyên	19	44	Tỉnh Lâm Đồng	68
13	Tỉnh Lạng Sơn	20	45	Tỉnh Bình Phước	70
14	Tỉnh Quảng Ninh	22	46	Tỉnh Tây Ninh	72
15	Tỉnh Bắc Giang	24	47	Tỉnh Bình Dương	74
16	Tỉnh Phú Thọ	25	48	Tỉnh Đồng Nai	75
17	Tỉnh Vĩnh Phúc	26	49	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	77
18	Tỉnh Bắc Ninh	27	50	Thành phố Hồ Chí Minh	79
19	Tỉnh Hải Dương	30	51	Tỉnh Long An	80
20	Thành phố Hải Phòng	31	52	Tỉnh Tiền Giang	82
21	Tỉnh Hưng Yên	33	53	Tỉnh Bến Tre	83
22	Tỉnh Thái Bình	34	54	Tỉnh Trà Vinh	84
23	Tỉnh Hà Nam	35	55	Tỉnh Vĩnh Long	86
24	Tỉnh Nam Định	36	56	Tỉnh Đồng Tháp	87
25	Tỉnh Ninh Bình	37	57	Tỉnh An Giang	89
26	Tỉnh Thanh Hoá	38	58	Tỉnh Kiên Giang	91
27	Tỉnh Nghệ An	40	59	Thành phố Cần Thơ	92
28	Tỉnh Hà Tĩnh	42	60	Tỉnh Hậu Giang	93
29	Tỉnh Quảng Bình	44	61	Tỉnh Sóc Trăng	94
30	Tỉnh Quảng Trị	45	62	Tỉnh Bạc Liêu	95
31	Tỉnh Thừa Thiên Huế	46	63	Tỉnh Cà Mau	96
32	Thành phố Đà Nẵng	48			

+ “BBBB” gồm 4 chữ số từ 0001 đến 9999, là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

Mẫu số 05.NT

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng .....năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU GIỐNG THỦY SẢN**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản.

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: .....Số fax: .....Email: .....

Đề nghị được phép nhập khẩu giống thủy sản sau:

1. Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học: .....

2. Số lượng: .....

3. Kích cỡ: .....

4. Quy cách bao gói.....

5. Tên, địa chỉ cơ sở xuất khẩu: .....

6. Thời gian nhập khẩu:.....

7. Địa điểm nhập khẩu: .....

8. Mục đích nhập khẩu:.....

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng cục Thủy sản xem xét, cấp phép.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06.NT

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-TCTS-....

Hà Nội, ngày..... tháng .... năm .....

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU GIỐNG THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm... của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ.....

Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm .... của (cơ sở) ..... và hồ sơ đăng ký nhập khẩu;

Căn cứ kết quả thẩm định .....

Tổng cục Thủy sản đồng ý cấp phép nhập khẩu .....

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: .....Số fax: .....Email: .....

Được phép nhập khẩu giống thủy sản:

1. Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học:.....

2. Số lượng: .....

3. Kích cỡ: .....

4. Quy cách bao gói .....

5. Tên, địa chỉ cơ sở xuất khẩu:.....

6. Thời gian nhập khẩu:.....

7. Địa điểm nhập khẩu:.....

8. Mục đích nhập khẩu: .....

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Cơ sở đăng ký;
- .....
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh;
- Lưu: VT, ....

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm ...

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản.

Tên cơ sở đăng ký khảo nghiệm: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: .....; Số fax: .....; Email: .....

Đề nghị Tổng cục Thủy sản cho phép khảo nghiệm giống thủy sản, cụ thể như sau:

1. Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học của loài khảo nghiệm: .....

2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm: .....

3. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm: .....

4. Thời gian dự kiến khảo nghiệm: .....

5. Hồ sơ đính kèm: .....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật liên quan đến khảo nghiệm giống thủy sản.

....., ngày ..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Cơ sở đăng ký khảo nghiệm: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: .....; Số fax: .....; Email: .....

2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: .....; Số fax: .....; Email: .....

3. Thời gian, địa điểm khảo nghiệm

a) Thời gian dự kiến: .....

b) Địa điểm khảo nghiệm: .....

4. Đơn vị giám sát khảo nghiệm: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại: .....; Số fax: .....; Email: .....

**II. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG KHẢO NGHIỆM**

1. Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học của loài khảo nghiệm: .....

2. Nguồn gốc xuất xứ của loài thủy sản khảo nghiệm: .....

3. Đặc điểm sinh học của loài thủy sản khảo nghiệm: .....

4. Giá trị kinh tế hoặc các giá trị khác như làm cảnh, giải trí... của loài thủy sản khảo nghiệm: .....

5. Hướng dẫn quy trình sản xuất (theo nhà sản xuất): .....

6. Các tài liệu khác liên quan đến đối tượng khảo nghiệm: .....

**III. NỘI DUNG KHẢO NGHIỆM**

1. Nội dung khảo nghiệm: Căn cứ đặc điểm sinh học từng loài thủy sản và mục đích sử dụng để xây dựng đề cương khảo nghiệm nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá tác hại của loài khảo nghiệm.

2. Phương pháp nghiên cứu và cách bố trí thí nghiệm

a) Phương pháp nghiên cứu: .....

b) Bố trí thí nghiệm: .....

3. Biện pháp kiểm soát an toàn sinh học, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo nghiệm: .....

4. Kế hoạch triển khai: .....

5. Dự kiến kết quả đạt được: .....

**IV. TIẾN ĐỘ KHẢO NGHIỆM** .....

**V. NHÂN LỰC THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

**ĐẠI DIỆN**  
**CƠ SỞ YÊU CẦU KHẢO NGHIỆM**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN**  
**CƠ SỞ THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 09.NT

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

**BIÊN BẢN**  
**Kiểm tra cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Căn cứ kiểm tra: .....

2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Ông/bà:..... Chức vụ: .....

- Ông/bà: ..... Chức vụ: .....

- Ông/bà: ..... Chức vụ: .....

3. Thông tin cơ sở kiểm tra

- Tên cơ sở: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

Số điện thoại:.....Số fax : ..... Email: .....

- Số giấy đăng ký kinh doanh/Số giấy phép đầu tư/Số quyết định thành lập: ...

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp: .....

- Đại diện của cơ sở:..... Chức vụ: .....

- Mã số cơ sở (nếu có):.....

4. Địa điểm kiểm tra:

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số fax: ..... Email: .....

5. Đối tượng đăng ký khảo nghiệm:

**II. NỘI DUNG KIỂM TRA:**

TT	Nội dung cần kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục các lỗi
		Đạt	Không đạt	
1	Có ít nhất hai nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học			

2	Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với loài thủy sản khảo nghiệm			
a	Có phòng thử nghiệm đủ điều kiện theo quy định hiện hành để theo dõi, kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu theo đề cương khảo nghiệm			
b	Trường hợp khảo nghiệm giai đoạn sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và khoản 1 Điều 20 Nghị định này			
c	Trường hợp khảo nghiệm giai đoạn nuôi thương phẩm phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Thủy sản và Điều 34 Nghị định này			
3	Đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường: Khu nuôi khảo nghiệm có biện pháp ngăn cách với khu sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản thương phẩm khác			
4	Bảo đảm an toàn sinh học, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo nghiệm			

### III. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

.....  
 .....

### IV. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....  
 .....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 10.NT

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TCTS-....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản****TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày .... tháng ... năm ..... của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ.....

Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản của .....

Theo đề nghị của.....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép khảo nghiệm giống ..... (Kèm theo Đề cương khảo nghiệm).

**Điều 2.** Cho phép nhập khẩu giống thủy sản:

1. Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học: .....
2. Số lượng: .....
3. Kích cỡ: .....
4. Thời gian nhập khẩu:.....
5. Cửa khẩu nhập khẩu:.....

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng ....., Giám đốc ....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ... và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

- Lưu: VT, .....

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Mẫu số 11.NT

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT  
Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Kính gửi: .....

1. Tên cơ sở: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: ..... E-mail: .....

2. Lĩnh vực công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

**Thức ăn thủy sản**

- Thức ăn hỗn hợp
- Thức ăn bổ sung
- Nguyên liệu
- Sản phẩm khác

**Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

- Chế phẩm sinh học
- Hóa chất xử lý môi trường
- Hỗn hợp khoáng, vitamin, ...
- Nguyên liệu

3. Hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:

.....

4. Đăng ký cấp lần đầu:  Đăng ký cấp lại:

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

....., ngày .... tháng..... năm 20...

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT**  
**Thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**  
*(Kèm theo đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện*  
*sản xuất thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản*  
*số .....ngày ....tháng .....năm.....)*

1. Tên cơ sở: .....

- Địa chỉ sản xuất: .....

- Số điện thoại: ..... Số fax:.....E-mail: .....

2. Sản phẩm dự kiến sản xuất: .....

.....

3. Giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn (kèm theo bản sao có xác nhận của cơ sở)

- Thực hành sản xuất tốt (GMP) Có  Không

- Hệ thống phân tích môi nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) Có  Không

- Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000) Có  Không

- Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) Có  Không

- Hệ thống khác: ..... Có  Không

4. Thuyết minh chi tiết điều kiện sản xuất thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

a) Địa điểm sản xuất:.....

b) Nhà xưởng, trang thiết bị:.....

c) Phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất: .....

d) Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học:.....

đ) Nhân viên kỹ thuật:.....

e) Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh gồm:.....

g) Danh sách sản phẩm kèm theo: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 13.NT

CƠ QUAN CẤP TRÊN  
CƠ QUAN KIỂM TRACỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**Kiểm tra điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản/  
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Số:...../BB-ĐKSX**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra: .....
2. Tên cơ sở kiểm tra: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax: ..... Email: .....
- Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:  
.....
- Tên cơ quan cấp: ..... Ngày cấp: .....
- Người đại diện của cơ sở: ..... Chức vụ: .....
- Giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn: .....
3. Địa điểm kiểm tra:
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:..... Số Fax: ..... Email: .....
4. Thành phần Đoàn kiểm tra:
- Ông/bà:..... Chức vụ: .....
- Ông/bà:..... Chức vụ: .....
5. Sản phẩm sản xuất:  
.....  
.....

**II. NỘI DUNG KIỂM TRA**

STT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
<b>I</b>	<b>KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC CÓ THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>			
1.	Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại			



2.	Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài			
3.	Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm			
a	Có nhà xưởng kết cấu vững chắc, nền không đọng nước, liên thông và một chiều từ nguyên liệu đến thành phẩm			
b	Tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
c	Khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu vật liệu, thành phẩm bảo đảm không nhiễm chéo lẫn nhau và bảo đảm theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp			
d	Trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
đ	Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất			
e	Trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật			
4	Có phòng thử nghiệm hoặc có thuê phòng thử nghiệm đủ năng lực để kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất			
5	Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
a	Kiểm soát chất lượng nước phục vụ sản xuất			
b	Kiểm soát nguyên liệu			
c	Kiểm soát bao bì			
d	Kiểm soát thành phẩm			
đ	Kiểm soát quá trình sản xuất			
e	Kiểm soát tái chế			
g	Lưu mẫu thành phẩm			
h	Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị			
i	Kiểm soát động vật gây hại			
k	Vệ sinh nhà xưởng			

1	Thu gom và xử lý chất thải			
6	Nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm.			
II	<b>KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU</b>			
7	Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất theo các nội dung tại Mục 5, I; ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc			
8	Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng; công bố hợp quy theo quy định			
9	Thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.			
10	Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất; xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm không bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật; bồi thường thiệt hại gây ra cho người mua, người nuôi trồng thủy sản			
11	Gửi thông tin sản phẩm đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường			
12	Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật			
<b>Số chỉ tiêu đánh giá thực tế</b>				
<b>Số chỉ tiêu đạt/không đạt</b>				

### III. LẤY MẪU

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu,...)

.....  
 .....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích (Biên bản lấy mẫu kèm theo):

.....  
.....

**IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

.....  
.....

**V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:**

.....  
.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THỰC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

### A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

#### 1. Ghi biểu mẫu kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
- Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

#### 2. Nguyên tắc đánh giá

- Không được bỏ sung hoặc bỏ bớt nội dung.
- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc ✓ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải ghi cụ thể lỗi và xác định thời hạn cơ sở phải khắc phục lỗi đó.

#### 3. Chỉ tiêu áp dụng

- Đối với chỉ tiêu từ 1 đến 6 áp dụng đối với cơ sở sản xuất thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đăng ký kiểm tra cấp Giấy chứng nhận lần đầu.

- Các chỉ tiêu 1 đến 12 áp dụng đối với kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được Giấy chứng nhận.

- Đối với kiểm tra lần đầu hoặc có thay đổi điều kiện sản xuất, kiểm tra chỉ tiêu “Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học” là kiểm tra nội dung xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học của sản phẩm dự kiến sản xuất.

- Đối với kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất, kiểm tra chỉ tiêu “Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất” là đánh giá việc áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học của sản phẩm trong quá trình sản xuất.

### B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU

#### I. KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC CÓ THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại

Yêu cầu: Địa điểm sản xuất phải xây dựng trên địa điểm tránh bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại từ môi trường xung quanh như: nguồn chất thải từ bệnh viện, bãi rác, ngập nước, ... Trong trường hợp không thể thay thế vị trí thì phải thiết lập biện pháp kiểm soát như vách ngăn, hệ thống thông gió, phòng kín có thông gió.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường để đánh giá các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến an toàn và chất lượng sản phẩm. Đối chiếu các kết quả thử nghiệm liên quan, hồ sơ về địa điểm để đánh giá mức độ ô nhiễm khi cần thiết.

## 2. Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài

Yêu cầu: Xung quanh nhà xưởng có tường, rào để ngăn chặn sự di chuyển của động vật gây hại và các yếu tố chủ ý phá hoại; có cổng để kiểm soát ra vào.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường.

## 3. Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm

a) Có nhà xưởng kết cấu vững chắc, nền không đọng nước, liên thông và một chiều từ nguyên liệu đến thành phẩm

Yêu cầu: Nhà xưởng có kết cấu vững chắc, đủ không gian làm việc, bố trí hướng di chuyển hợp lý cho nguyên liệu, sản phẩm, nhân viên. Nền nhà không thấm nước, không bong tróc, không có những kẽ nứt, dễ dàng vệ sinh.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trạng nhà xưởng

Ghi chú: Về việc xây dựng vững chắc là trần nhà, máng thoát nước không bị dột.

b) Tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

Yêu cầu: Trần không bị dột, tường, sàn nhẵn, không bong tróc, dễ dàng làm sạch, thiết kế giảm bụi bám và đọng nước. Các cửa sổ, quạt thông gió thông ra bên ngoài phải có lưới chắn côn trùng.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường.

c) Khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu vật liệu, thành phẩm bảo đảm không nhiễm chéo lẫn nhau và bảo đảm theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp

Yêu cầu: Các khu chứa nguyên liệu cấu thành sản phẩm, bao bì, linh phụ kiện cho thiết bị, hóa chất hỗ trợ sản xuất (chất tẩy rửa, dầu mỡ bôi trơn, xăng dầu, hóa chất là hơi, ...) phải ngăn cách vật lý để tránh việc nhiễm chéo các dị vật, hóa chất vào nguyên liệu ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn cho sản phẩm. Đối với khu lưu trữ nguyên liệu bay hơi thì cần thiết kế thông thoáng và có thông gió. Đối với mỗi loại nguyên vật liệu cần đảm bảo điều kiện bảo quản đúng kỹ thuật theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp, không ảnh hưởng đến chất lượng trong quá trình lưu trữ (Ví dụ: Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, ...).

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường về việc bố trí, phân bố các khu vực, kho chứa. Xem xét hồ sơ kỹ thuật của nguyên liệu, sản phẩm (tiêu chuẩn công bố áp dụng, nhãn hàng hóa, tài liệu đính kèm, ...) để xác định sự phù hợp.

**Ghi chú:** Ngăn cách vật lý là bao hàm việc sử dụng tường, vách ngăn hoặc là sự ngăn cách không gian đủ để ngăn ngừa nguy cơ nhiễm chéo.

d) Trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

Yêu cầu: Bề mặt trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm được làm từ vật liệu phù hợp, chống thấm, không gỉ sét, không bị ăn mòn, không có khả năng thôi nhiễm kim loại nặng (Ví dụ: Pb, As, Hg, Cd) vào sản phẩm. Có thể vệ sinh sạch sẽ.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, xem xét tài liệu kỹ thuật liên quan đến bề mặt thiết bị, dụng cụ. Xem xét hồ sơ kiểm tra, vệ sinh.

đ) Trang thiết bị thu gom và xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất

Yêu cầu: Trang bị các loại thùng rác phù hợp để phân loại rác (rác thải sinh hoạt, tái chế và nguy hại), thùng chứa rác thải nguy hại cần có nắp đậy kín sau khi sử dụng. Nơi chứa rác thải tách biệt với khu vực sản xuất. Nơi chứa rác thải nguy hại phải được để riêng, kín và có khóa.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường.

e) Trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật.

Yêu cầu: Phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật phục vụ sản xuất như: Cân kỹ thuật, máy lắc, nồi hấp tiệt trùng, tủ ẩm, tủ sấy, máy lắc nhu động, lò vi sóng, tủ cấy vi sinh vật, tủ lạnh, nồi lên men hoặc thiết bị lên men.

Phương pháp đánh giá: Quan sát thực tế và xem xét các thông tin kỹ thuật, tình trạng của thiết bị để đánh giá sự phù hợp.

4. Có phòng thử nghiệm hoặc có thuê phòng thử nghiệm đủ năng lực để kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất.

Yêu cầu:

- Có phòng thử nghiệm (phòng chất lượng) để kiểm soát chất lượng công đoạn sản xuất, cho từng lô nguyên liệu, thành phẩm; người thực hiện phải có năng lực, chuyên môn phù hợp về kiểm tra chất lượng; phải có các tiêu chuẩn chất lượng rõ ràng. Các kết quả kiểm tra chất lượng công đoạn phải được ghi chép lưu trữ cho từng lô hàng.

- Đối với kiểm nghiệm định kỳ để kiểm tra xác nhận, thì phải cần phòng thử nghiệm đã được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025.

- Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường phòng thử nghiệm, giấy tờ chứng nhận, hồ sơ hiệu chuẩn thiết bị..., hồ sơ năng lực của nhân viên (bằng cấp, chứng chỉ đào tạo).

5. Xây dựng và áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

a) Kiểm soát chất lượng nước phục vụ sản xuất

Yêu cầu: Nước phục vụ sản xuất phải đạt chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc phải đạt yêu cầu chất lượng và vi sinh tương ứng với sản phẩm sản xuất. Các chỉ tiêu kỹ thuật cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Xem xét hồ sơ kiểm định nước định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật.

**Ghi chú:** Người có thẩm quyền là chủ cơ sở hoặc người được chủ cơ sở phân công và chịu trách nhiệm phê duyệt.

### b) Kiểm soát nguyên liệu

#### Yêu cầu:

- Nguyên vật liệu phải được kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo từng lô khi nhập. Thực hiện kiểm tra và xác nhận sự phù hợp về xuất xứ, chất lượng như: Hạn sử dụng, giấy tờ xuất xứ, chất lượng (CO, CA), cảm quan về chất lượng hoặc kiểm tra các chỉ tiêu độ ẩm hoặc tạp chất). Nguyên liệu không được chứa chất bị cấm. Các chỉ tiêu kỹ thuật cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

- Nguyên liệu không phù hợp với thông số kỹ thuật phải được kiểm soát tránh sử dụng sai mục đích.

- Nguyên liệu phải sắp xếp cách ly với mặt đất, tường; có nhận diện từng lô đảm bảo có thể truy xuất, dễ dàng cho việc nhập trước xuất trước, nhập sau xuất sau.

Phương pháp đánh giá: Xem xét hồ sơ kiểm tra nhập, xuất nguyên liệu. Quan sát hiện trường sắp xếp, nhận diện nguyên liệu.

### c) Kiểm soát bao bì

Yêu cầu: Chất liệu bao bì phù hợp với đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, sắp xếp theo từng lô, loại bao bì và nhận diện rõ ràng. Bao bì không thôi nhiễm kim loại nặng hoặc các chất độc hại vào sản phẩm. Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Xem xét hồ sơ kiểm tra nhập bao bì, quan sát hiện trường lưu trữ bao bì.

### d) Kiểm soát thành phẩm

#### Yêu cầu:

- Thành phẩm được kiểm tra xác nhận chất lượng theo thông số kỹ thuật trước khi thông qua, có hồ sơ kiểm tra, được ghi chép và phê duyệt của người có thẩm quyền.

- Thành phẩm được lưu trữ bảo quản trong kho tránh tác động môi trường ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, sắp xếp ngăn cách với sàn, sắp xếp theo từng lô hàng để dễ dàng cho việc truy xuất.

- Thành phẩm phải được kiểm tra trước khi xuất (Hạn sử dụng, cảm quan tình trạng bên ngoài như bục rách, biến dạng, bần, ...).

- Thành phẩm sắp xếp cách ly với mặt đất, tường; có nhận diện từng lô đảm bảo có thể truy xuất, dễ dàng cho việc nhập trước xuất trước, nhập sau xuất sau.

- Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ cho các lô thành phẩm đã xuất đi và dữ liệu hàng hóa tồn kho.

### đ) Kiểm soát quá trình sản xuất

#### Yêu cầu:

- Các yêu cầu đầu vào cho hoạt động sản xuất phải đảm bảo bao gồm con người có năng lực, máy móc thiết bị luôn trong trạng thái phù hợp, phương pháp sản xuất hợp lý, nguyên liệu đầu vào đạt yêu cầu.

- Phải có sẵn các tiêu chuẩn kỹ thuật cần đạt được của sản phẩm cụ thể bằng văn bản. Các chỉ tiêu về an toàn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Sẵn có thiết bị đo lường.

- Phải có hồ sơ ghi chép từng công đoạn sản xuất về thời gian, số lượng, loại sản phẩm sản xuất, bao gồm cả việc nhập nguyên liệu cho sản xuất.

- Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, kiểm tra hồ sơ lô, hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng.

#### e) Kiểm soát tái chế

Yêu cầu: Các sản phẩm, bán thành phẩm tái chế phải được để khu riêng, vẫn còn hạn sử dụng, phải duy trì được sự an toàn, chất lượng, khả năng truy xuất. Phải có quy định tỉ lệ tái chế và có hồ sơ ghi nhận tỉ lệ hàng tái chế trong hồ sơ sản xuất cho lô sản phẩm. Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Xem xét các hồ sơ ghi nhận liên quan đến hàng lỗi, cách thức xử lý hàng lỗi trong việc đem tái chế cho từng lô hàng. Quan sát hiện trường khu vực quy định để hàng tái chế.

#### g) Lưu mẫu thành phẩm

Yêu cầu: Mỗi lô hàng cần lưu một lượng mẫu đủ để phân tích theo tiêu chuẩn kỹ thuật công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và được đóng gói tình trạng giống với sản phẩm lưu hành trên thị trường. Dán tem nhãn ghi rõ tên sản phẩm, lô (hoặc ngày sản xuất), hạn sử dụng. Các sản phẩm lưu cần nhận diện rõ ràng, dễ tìm để kiểm tra. Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Quan sát khu sắp xếp lưu mẫu, tem nhãn nhận diện. Xem xét hồ sơ ghi chép về ngày lưu mẫu, thời gian hủy mẫu, đánh giá tình trạng trong suốt thời gian lưu.

#### h) Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị

Yêu cầu: Lập kế hoạch hiệu chuẩn, hiệu chỉnh định kỳ, nhận diện trạng thái cho các thiết bị đo lường (Tem nhãn hiệu chuẩn, thiết bị hỏng). Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Quan sát tem nhãn hiệu chuẩn được gắn lên thiết bị hoặc hồ sơ hiệu chuẩn đi kèm với thiết bị. Nếu thiết bị đo lường tự hiệu chuẩn nội bộ thì kiểm tra bộ chuẩn có được kiểm định hay không.

#### i) Kiểm soát động vật gây hại

Yêu cầu: Nhà xưởng được lắp màn, lưới, bẫy chuột, đèn diệt côn trùng để đảm bảo không xuất hiện côn trùng, động vật gây hại trong nhà xưởng. Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường về sự hiện diện có hay không côn trùng, động vật gây hại trong nhà xưởng, kho (có thể quan sát gián tiếp qua việc xuất hiện phân gián, phân chuột...)



### k) Vệ sinh nhà xưởng

**Yêu cầu:** Quy định các phương pháp vệ sinh, tần suất, hóa chất vệ sinh (nếu có) cho từng khu vực, bề mặt tiếp xúc sản phẩm. Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

**Phương pháp đánh giá:** Quan sát hiện trường về tình trạng vệ sinh, xem xét tài liệu quy định vệ sinh (tần suất, phương pháp). Xem xét hồ sơ kiểm tra vệ sinh định kỳ.

### l) Thu gom và xử lý chất thải

**Yêu cầu:** Có quy định khu vực thu gom rác; quy định tần suất di chuyển rác ra khỏi khu vực sản xuất, kho (tối thiểu theo ngày) về khu tập kết. Thuê cơ sở xử lý chất thải có năng lực theo yêu cầu của pháp luật. Các yêu cầu cần kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt.

**Phương pháp đánh giá:** Quan sát hiện trường về bố trí chỗ để rác, phân loại rác, xác nhận thực tế về tần suất di chuyển rác khỏi nhà xưởng. Xem xét các hồ sơ về xử lý rác thải như hợp đồng với nhà xử lý rác, hồ sơ năng lực nhà xử lý rác, biên bản giao nhận rác, ...

6. Nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm

**Yêu cầu:** Có bằng cấp liên quan đến nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm, hoặc được đào tạo các khóa học liên quan đến vấn đề trên. Có hợp đồng lao động với nhân viên kỹ thuật.

**Phương pháp đánh giá:** Xem xét hợp đồng lao động, hồ sơ bằng cấp, chứng chỉ liên quan, phỏng vấn về sự am hiểu hoạt động kiểm soát cho sản phẩm.

## **II. KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU**

7. Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất theo các nội dung tại Mục 5, I; ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc

**Yêu cầu:** Các quy trình, quy định nêu tại Mục 5, I phải được áp dụng và ghi chép lưu giữ đầy đủ trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc.

**Phương pháp đánh giá:** Thực hiện theo hướng dẫn tương ứng tại Mục 5, I.

8. Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng; công bố hợp quy theo quy định

**Yêu cầu:** Có đầy đủ hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy cho từng sản phẩm.

**Phương pháp đánh giá:** Kiểm tra các sản phẩm đã sản xuất, lưu thông; kiểm tra hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy cho từng loại sản phẩm; đánh giá sự phù hợp của hồ sơ lưu trữ, cập nhật và sản phẩm thực tế.

9. Thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa

**Yêu cầu:** Thông tin ghi trên nhãn sản phẩm phải đúng quy định hiện hành về nhãn hàng hóa.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra nhãn sản phẩm đã sản xuất, lưu thông; đối chiếu quy định về nhãn hàng hóa và tiêu chuẩn công bố áp dụng để đánh giá sự phù hợp của việc ghi nhãn.

10. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất; xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm không bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật; bồi thường thiệt hại gây ra cho người mua, người nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Các vi phạm về chất lượng phải được xử lý, thu hồi, khắc phục hậu quả và tuân thủ đầy đủ theo quy định.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ, quyết định xử lý vi phạm hành chính; đối chiếu với các hồ sơ, hiện trạng khắc phục của cơ sở.

11. Gửi thông tin sản phẩm đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường

Yêu cầu: Các sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường phải được gửi thông tin về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Tổng cục Thủy sản) theo quy định.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra thông tin sản phẩm đã gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đối chiếu các hồ sơ sản phẩm và sản phẩm thực tế đang sản xuất, lưu thông để đánh giá.

12. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Yêu cầu: Cơ sở được thanh tra, kiểm tra phải phối hợp và chấp hành đúng quy định.

Phương pháp đánh giá: Đánh giá thông qua việc chấp hành các quy định của pháp luật và phối hợp với cơ quan nhà nước trong thanh tra, kiểm tra.

Mẫu số 14.NT

CƠ QUAN CẤP TRÊN  
CƠ QUAN CẤP GIẤYCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT**  
**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**  
**Số: TSAABBBB<sup>(2)</sup>**

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Địa chỉ sản xuất: .....

Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

**Được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản,**  
**sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với<sup>(1)</sup>:**

.....  
 Hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện: Không thời hạn

....., ngày .... tháng .... năm....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

(1) Ghi rõ điều kiện sản xuất theo từng nhóm sản phẩm:

**Thức ăn thủy sản**

- Thức ăn hỗn hợp
- Thức ăn bổ sung (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Nguyên liệu (ghi cụ thể nhóm, loại nguyên liệu)
- Sản phẩm khác: Atermia,...

**Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

- Chế phẩm sinh học (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Hóa chất xử lý môi trường (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Hỗn hợp khoáng, vitamin, ...(ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Nguyên liệu (ghi cụ thể nhóm, loại nguyên liệu).

(2) Quy định cấp số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

- Mỗi số chỉ cấp duy nhất cho một cơ sở và cấp liên tiếp, lần lượt.
- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất được thu hồi, số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất không sử dụng để cấp cho cơ sở khác. Chỉ cấp lại cho cơ sở trước đó đã được cấp khi đủ điều kiện.

- Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất có cấu trúc như sau: TSAABBBB

+ "TS" thể hiện nhóm sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

+ "AA" gồm 2 chữ số la tinh thể hiện mã của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, cụ thể như sau:

++ Tổng cục Thủy sản có mã số 00

++ Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có mã như sau:

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số	STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số
1	Thành phố Hà Nội	01	33	Tỉnh Quảng Nam	49
2	Tỉnh Hà Giang	02	34	Tỉnh Quảng Ngãi	51
3	Tỉnh Cao Bằng	04	35	Tỉnh Bình Định	52
4	Tỉnh Bắc Kạn	06	36	Tỉnh Phú Yên	54
5	Tỉnh Tuyên Quang	08	37	Tỉnh Khánh Hoà	56
6	Tỉnh Lào Cai	10	38	Tỉnh Ninh Thuận	58
7	Tỉnh Điện Biên	11	39	Tỉnh Bình Thuận	60
8	Tỉnh Lai Châu	12	40	Tỉnh Kon Tum	62
9	Tỉnh Sơn La	14	41	Tỉnh Gia Lai	64
10	Tỉnh Yên Bái	15	42	Tỉnh Đắk Lắk	66
11	Tỉnh Hoà Bình	17	43	Tỉnh Đắk Nông	67
12	Tỉnh Thái Nguyên	19	44	Tỉnh Lâm Đồng	68
13	Tỉnh Lạng Sơn	20	45	Tỉnh Bình Phước	70
14	Tỉnh Quảng Ninh	22	46	Tỉnh Tây Ninh	72
15	Tỉnh Bắc Giang	24	47	Tỉnh Bình Dương	74
16	Tỉnh Phú Thọ	25	48	Tỉnh Đồng Nai	75
17	Tỉnh Vĩnh Phúc	26	49	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	77
18	Tỉnh Bắc Ninh	27	50	TP. Hồ Chí Minh	79
19	Tỉnh Hải Dương	30	51	Tỉnh Long An	80
20	Thành phố Hải Phòng	31	52	Tỉnh Tiền Giang	82
21	Tỉnh Hưng Yên	33	53	Tỉnh Bến Tre	83
22	Tỉnh Thái Bình	34	54	Tỉnh Trà Vinh	84
23	Tỉnh Hà Nam	35	55	Tỉnh Vĩnh Long	86
24	Tỉnh Nam Định	36	56	Tỉnh Đồng Tháp	87
25	Tỉnh Ninh Bình	37	57	Tỉnh An Giang	89
26	Tỉnh Thanh Hoá	38	58	Tỉnh Kiên Giang	91
27	Tỉnh Nghệ An	40	59	Thành phố Cần Thơ	92
28	Tỉnh Hà Tĩnh	42	60	Tỉnh Hậu Giang	93
29	Tỉnh Quảng Bình	44	61	Tỉnh Sóc Trăng	94
30	Tỉnh Quảng Trị	45	62	Tỉnh Bạc Liêu	95
31	Tỉnh Thừa Thiên Huế	46	63	Tỉnh Cà Mau	96
32	Thành phố Đà Nẵng	48			

+ “**BBBB**” gồm 4 chữ số từ 0001 đến 9999, là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

Mẫu số 15.NT

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN \_\_\_\_\_ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU**

**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
để trưng bày tại hội chợ, triển lãm/đề nghiên cứu\***

Kính gửi: .....

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Số fax: ..... Email: .....

1. Đề nghị nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sau đây để giới thiệu hội chợ, triển lãm (hoặc nghiên cứu) (\*):

TT	Tên sản phẩm	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

2. Thời gian nhập: .....

3. Cửa khẩu nhập: .....

4. Thời gian, địa điểm trưng bày tại hội chợ, triển lãm (hoặc nghiên cứu) (\*): .....

5. Phương án xử lý mẫu sau hội chợ, triển lãm (hoặc nghiên cứu) (\*): ....

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(\*): Ghi rõ một mục đích đăng ký (trưng bày tại hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu)

Mẫu số 16.NT

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng ....năm 20...

Số:...../GPNK-TCTS.....

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**

**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Căn cứ Quyết định ..... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số ...../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ đơn đề nghị nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 ... của (tên cơ sở đề nghị) ..... và hồ sơ đăng ký nhập khẩu;

Xét đề nghị của .....

1. Tổng cục Thủy sản đồng ý cấp phép nhập khẩu cho .....  
(Tên cơ sở, địa chỉ của cơ sở).... được phép nhập khẩu .... (số lượng) ..... sản phẩm để..... (ghi rõ mục đích nhập khẩu theo đề nghị của cơ sở), cụ thể:

STT	Tên sản phẩm	Khối lượng/thể tích	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						

2. Thời gian nhập: .....

3. Cửa khẩu nhập: .....

4. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:.....

Cơ sở phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Tên cơ sở đăng ký nhập khẩu;
- Tên cơ quan Hải quan nơi đăng ký;
- Lưu: VT, ..... (...bản).

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 17.NT

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM**  
**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản.

**1. Tên cơ sở đăng ký khảo nghiệm:**

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số fax: ..... Email: .....

**2. Tên cơ sở thực hiện khảo nghiệm:**

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số fax: ..... Email: .....

**Đề nghị được khảo nghiệm thức ăn thủy sản,  
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sau:**

Tên sản phẩm:.....

Thành phần: .....

Công dụng: .....

Nhà sản xuất: .....

**3. Các hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:**

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

..., ngày ... tháng ... năm 20...  
**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐĂNG KÝ**  
(Ký tên và đóng dấu)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM**

**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

---

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở đăng ký khảo nghiệm:

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số fax:..... Email:.....

2. Tên cơ sở thực hiện khảo nghiệm:

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số fax: ..... Email:.....

3. Sản phẩm yêu cầu khảo nghiệm

a) Tên sản phẩm, thành phần, công dụng, hạn sử dụng, cảnh báo (nếu có):

.....

b) Nhà sản xuất: .....

c) Các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm: .....

4. Cơ sở khoa học và hiện trạng ứng dụng sản phẩm trong nước và trên thế giới

(Mô tả thông tin khoa học của sản phẩm, thành phần của sản phẩm và hiện trạng, hiệu quả sử dụng trong nước và trên thế giới)

**II. NỘI DUNG KHẢO NGHIỆM**

1. Nội dung

a) Xác định thành phần công bố của sản phẩm

b) Đánh giá độ an toàn của sản phẩm

c) Đánh giá tác dụng/công dụng/đặc tính của sản phẩm.

d) Xác định tồn dư trong môi trường và dư lượng trong thủy sản nuôi.

2. Phương pháp nghiên cứu và cách bố trí thí nghiệm

a) Phương pháp nghiên cứu

b) Bố trí thí nghiệm.

3. Biện pháp kiểm soát an toàn sinh học, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo nghiệm

4. Kế hoạch triển khai

5. Dự kiến kết quả đạt được

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
**CÓ SẢN PHẨM KHẢO NGHIỆM**  
(Ký tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
**KHẢO NGHIỆM**  
(Ký tên và đóng dấu)



**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM**  
**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

**1. Thông tin cơ sở:** .....

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Địa điểm khảo nghiệm: .....

Số điện thoại: ..... Số fax: ..... Email: .....

**2. Điều kiện cơ sở phục vụ khảo nghiệm**

- a) Đối với hệ thống nuôi thủy sản tập trung trong ao, đầm
- b) Đối với hệ thống nuôi thủy sản tập trung trong lồng bè
- c) Đối với hệ thống sản xuất giống thủy sản

**3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khảo nghiệm**

- a) Thiết bị, dụng cụ thu mẫu, bảo quản mẫu
- b) Thiết bị, dụng cụ phân tích các yếu tố môi trường, dư lượng
- c) Thiết bị, dụng cụ xác định các chỉ tiêu sinh trưởng động vật thủy sản
- d) Các thiết bị khác theo yêu cầu của đề cương khảo nghiệm

**4. Người phụ trách kỹ thuật, nhận lực thực hiện khảo nghiệm**

**5. Các điều kiện khác có liên quan**

**6. Các công trình, kết quả nghiên cứu khác có liên quan**

..., ngày ... tháng ... năm 20....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 20.NT

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản,  
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Số:...../BB-ĐKKN

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra:** .....

**2. Tên cơ sở kiểm tra:** .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax: ..... Email: .....

- Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

.....

Tên cơ quan cấp:..... Ngày cấp: .....

- Người đại diện của cơ sở: ..... Chức vụ: .....

**3. Địa điểm kiểm tra:**

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax: ..... Email: .....

**4. Thành phần Đoàn kiểm tra:**

- Ông/bà:..... Chức vụ: .....

- Ông/bà:..... Chức vụ: .....

- Ông/bà:..... Chức vụ: .....

**5. Sản phẩm thực hiện khảo nghiệm:** .....

.....  
.....  
.....  
.....

**II. NỘI DUNG KIỂM TRA:**

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục các lỗi
		Đạt	Không đạt	
1	Hồ sơ pháp lý, nhân sự			
2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật			
3	Điều kiện an toàn sinh học, bảo vệ môi trường			
4	Điều kiện khác theo yêu cầu nêu trong đề cương khảo nghiệm			
<b>Tổng số</b>				
<b>Số chỉ tiêu đánh giá thực tế</b>				
<b>Số chỉ tiêu không đạt</b>				

**III. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

.....

.....

.....

**IV. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:**

.....

.....

.....

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

Số: /QĐ-TCTS-.....

Mẫu số 21.NT  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn,  
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

### TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định ..... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số ...../2019/NĐ-CP ngày ..tháng...năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Theo đề nghị của .....,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản/sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, cụ thể: sản phẩm ..... của Công ty ..... đăng ký (Đề cương khảo nghiệm kèm theo).

**Điều 2.** Cơ sở khảo nghiệm.....và Công ty ..... thực hiện khảo nghiệm theo đề cương đã được Tổng cục Thủy sản phê duyệt.

**Điều 3.** Ủy quyền ... (tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh) ..... thực hiện giám sát việc thực hiện theo đề cương khảo nghiệm đã được phê duyệt. Báo cáo kết quả giám sát khảo nghiệm, sau 05 ngày làm việc khi kết thúc quá trình khảo nghiệm.

**Điều 4.** Công ty ... được phép sản xuất, nhập khẩu đủ số lượng sản phẩm theo đề cương khảo nghiệm đã được phê duyệt, cụ thể: ....tấn (lít)

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Tổng cục, ....., ....., các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;

.....

- Lưu: VT,....

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 22.NT

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TCTS-.....

Hà Nội, ngày ... tháng .... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận thức ăn thủy sản/sản phẩm xử lý môi trường  
nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định ..... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số ...../2019/NĐ-CP ngày ..tháng...năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Theo đề nghị của .....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có tên tại danh sách kèm theo là thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm và được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Tổng cục, ....., ....., các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,.....

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

---

Kính gửi: (Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh)

1. Tên cơ sở nuôi trồng thủy sản: .....
- .....
- .....
2. Địa chỉ của cơ sở: .....;
- Điện thoại.....; Số fax.....; Email.....
3. Địa điểm nuôi trồng: .....
4. Đối tượng thủy sản nuôi trồng: .....
5. Số lượng ao/bể/lồng: .....
6. Tổng diện tích cơ sở: .....
7. Tổng diện tích mặt nước/thể tích lồng nuôi trồng: .....

Đề nghị: ... (Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh) .... cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 24.NT

TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA \_\_\_\_\_ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BIÊN BẢN**  
**Kiểm tra điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra: .....
2. Tên cơ sở kiểm tra: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:..... Số Fax: ..... Email: .....
- Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập (nếu có): .....
- Tên cơ quan cấp: .....Ngày cấp: .....
- Người đại diện của cơ sở: ..... Chức vụ: .....
- Mã số cơ sở (nếu có):.....
3. Địa điểm kiểm tra:
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:..... Số Fax: ..... Email: .....
4. Thành phần Đoàn kiểm tra: ..... Chức vụ: .....
- .....
5. Đối tượng nuôi: .....; diện tích/thể tích lồng nuôi: .....; hình thức nuôi: .....

**II. NỘI DUNG KIỂM TRA**

**Phần I**

**BIỂU MẪU KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRONG AO (ĐÀM/HÀM), BỂ**

TT	Nhóm chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không	
<b>A</b>	<b>ĐIỀU KIỆN CHUNG</b>			
1	Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản			

TT	Nhóm chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không	
2	Hồ sơ gồm nhật ký ao nuôi, hóa đơn hoặc phiếu mua vật tư; thời gian lưu giữ hồ sơ tối thiểu 24 tháng kể từ ngày thu hoạch thủy sản nuôi			
3	Sử dụng con giống			
4	Sử dụng thức ăn			
5	Sử dụng sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản			
6	Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường			
7	Đáp ứng quy định của pháp luật về thú y			
8	Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn lao động			
9	Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm			
<b>B</b>	<b>ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CỦA CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN</b>			
10	Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nuôi trồng thủy sản			
11	Bờ ao (đầm/hầm), bể			
12	Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu			
13	Nơi chứa, xử lý rác thải, thủy sản chết			
<b>C</b>	<b>TRƯỜNG HỢP CƠ SỞ NUÔI THÂM CANH, BÁN THÂM CANH: ngoài đáp ứng các quy định ở trên phải đáp ứng các yêu cầu sau</b>			
14	Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải			
15	Nơi chứa bùn thải			
16	Biển cảnh báo, chỉ dẫn từng khu của cơ sở			
17	Giấy xác nhận nuôi đối tượng thủy sản chủ lực (áp dụng với đối tượng phải đăng ký)			



**Phần II**  
**BIỂU MẪU KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN BẰNG**  
**LỒNG BÈ, ĐĂNG QUẢNG (SAU ĐÂY GỌI LÀ LỒNG BÈ)**

TT	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi	
		Đạt	Không		
<b>A</b>	<b>ĐIỀU KIỆN CHUNG</b>				
1	Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản				
2	Hồ sơ gồm nhật ký ao nuôi, hóa đơn hoặc phiếu mua vật tư; thời gian lưu giữ hồ sơ tối thiểu 24 tháng kể từ ngày thu hoạch thủy sản nuôi				
3	Sử dụng con giống				
4	Sử dụng thức ăn				
5	Sử dụng sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản				
6	Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường				
7	Đáp ứng quy định của pháp luật về thú y				
8	Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn lao động				
9	Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm				
<b>B</b>	<b>ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CỦA CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN</b>				
10	Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nuôi trồng thủy sản				
11	Khung lồng, phao, lưới, đăng quảng				
12	Hệ thống phao tiêu, đèn tín hiệu, biển cảnh báo				
13	Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu				
14	Dụng cụ chứa, xử lý rác thải, chất thải, thủy sản chết				
15	Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè				

**III. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

1. Nhận xét của đoàn kiểm tra:

.....  
.....  
.....

2. Đề xuất kết quả đánh giá:

.....  
.....  
.....

**IV. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ... tháng ... năm .....  
**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

....., ngày ... tháng ... năm .....  
**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN**  
**Kiểm tra kiểm tra điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản**

**A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA**

**I. Ghi biên bản kiểm tra**

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.
- Thăm tra và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra (ký tươi).

**II. Nguyên tắc đánh giá**

- Nếu cơ sở không có chỉ tiêu nào đó thì không đánh giá chỉ tiêu đó.
- Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung, mức đánh giá đã được quy định trong mỗi nhóm chỉ tiêu.
- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc ✓ đánh dấu vào ô “Đạt” hoặc “Không đạt” đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết lỗi đã được xác định cho mỗi chỉ tiêu và thời hạn cơ sở phải khắc phục sai lỗi đó (nếu có).

**B. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA:**

**Phần I**

**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN  
CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRONG AO (ĐÀM/HÀM), BỂ  
ĐIỀU KIỆN CHUNG:**

**1. Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản**

Yêu cầu: Có văn bản chứng minh địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản đáp ứng quy định của pháp luật về sử dụng đất để nuôi trồng thủy sản.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở.

**2. Hồ sơ gồm nhật ký ao nuôi, hóa đơn hoặc phiếu mua vật tư**

Yêu cầu: Có hồ sơ gồm nhật ký ao nuôi, hóa đơn hoặc phiếu mua vật tư đầu vào những thời gian lưu giữ hồ sơ tối thiểu 24 tháng kể từ ngày thu hoạch thủy sản nuôi.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở.

**3. Sử dụng con giống**

Yêu cầu: Có nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu; thả giống đúng lịch mùa vụ của địa phương.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở.

#### 4. Sử dụng thức ăn

Yêu cầu: Sử dụng thức ăn còn hạn dùng và được phép sử dụng (lưu hành) tại Việt Nam; không sử dụng thức ăn ôi thiu, mốc.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất và kiểm tra kho.

#### 5. Sử dụng sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Sử dụng sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản còn hạn dùng và được phép sử dụng tại Việt Nam.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất và kiểm tra kho.

#### 6. Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Yêu cầu: Cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện kiểm tra, giám sát và ghi chép thông số môi trường ao nuôi; thu gom và xử lý chất thải, thủy sản chết theo quy định; đối với cơ sở nuôi thâm canh, bán thâm canh có kế hoạch phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản; có báo cáo đánh giá tác động môi trường nuôi trồng thủy sản hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

#### 7. Đáp ứng quy định của pháp luật về thú y

Yêu cầu: Không xả thải chất thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu ra môi trường; không vứt thủy sản chết ra môi trường; có kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

#### 8. Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn lao động

Yêu cầu: Người làm việc tại cơ sở được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định và được khám sức khỏe ít nhất một lần/năm.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ và kiểm tra thực tế tại cơ sở.

#### 9. Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm

Yêu cầu: Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng làm thực phẩm phải đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

**ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CỦA CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN:**

10. Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh, không gây độc đối với thủy sản nuôi, không gây ô nhiễm môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

11. Bờ ao (đâm/hầm), bể

Yêu cầu: Làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi, không rò rỉ nước.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

12. Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu

Yêu cầu: Bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

13. Nơi chứa, xử lý rác thải, thủy sản chết

Yêu cầu: Nơi chứa rác thải phải riêng biệt với nơi chứa, xử lý thủy sản chết và tách biệt với khu vực nuôi, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

**TRƯỜNG HỢP CƠ SỞ NUÔI THÂM CANH, BÁN THÂM CANH: ngoài đáp ứng các quy định ở trên phải đáp ứng các yêu cầu sau:**

14. Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải

Yêu cầu: Có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

15. Nơi chứa bùn thải

Yêu cầu: Có nơi chứa bùn thải phù hợp và đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

16. Biển cảnh báo, chỉ dẫn từng khu của cơ sở

Yêu cầu: Có biển cảnh báo, chỉ dẫn từng khu của cơ sở.

17. Giấy xác nhận nuôi đối tượng thủy sản chủ lực (áp dụng với đối tượng phải đăng ký)

Yêu cầu: Có giấy xác nhận nuôi đối tượng thủy sản chủ lực.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở.

## Phần II

### HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN BẰNG LỒNG BÈ, ĐĂNG QUẢNG (SAU ĐÂY GỌI LÀ LỒNG BÈ)

#### ĐIỀU KIỆN CHUNG:

##### 1. Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Có văn bản chứng minh địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản đáp ứng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở.

##### 2. Hồ sơ gồm nhật ký ao nuôi, hóa đơn hoặc phiếu mua vật tư

Yêu cầu: Có hồ sơ gồm nhật ký lồng bè nuôi, hóa đơn hoặc phiếu mua vật tư đầu vào nhưng thời gian lưu giữ hồ sơ tối thiểu 24 tháng kể từ ngày thu hoạch thủy sản nuôi.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở.

##### 3. Sử dụng con giống

Yêu cầu: Có nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu; thả giống đúng lịch mùa vụ của địa phương.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở.

##### 4. Sử dụng thức ăn

Yêu cầu: Sử dụng thức ăn còn hạn dùng và được phép sử dụng (lưu hành) tại Việt Nam; không sử dụng thức ăn ôi thiu, mốc.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất và kiểm tra kho.

##### 5. Sử dụng sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Sử dụng sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản còn hạn dùng và được phép sử dụng tại Việt Nam.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất và kiểm tra kho.

##### 6. Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Yêu cầu: Cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện kiểm tra, giám sát và ghi chép thông số môi trường ao nuôi; thu gom và xử lý chất thải, thủy sản chết theo quy định; đối với cơ sở nuôi thâm canh, bán thâm canh có kế hoạch phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản; có báo cáo đánh giá tác động môi trường nuôi trồng thủy sản hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

### 7. Đáp ứng quy định của pháp luật về thú y

Yêu cầu: Không xả thải chất thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu ra môi trường; không vứt thủy sản chết ra môi trường; có kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

### 8. Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn lao động

Yêu cầu: Người làm việc tại cơ sở được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định và được khám sức khỏe ít nhất một lần/năm. Cơ sở phải trang bị đầy đủ các thiết bị cứu sinh (phao tròn, phao áo).

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ và kiểm tra thực tế tại cơ sở.

### 9. Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm

Yêu cầu: Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng làm thực phẩm phải đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

## **ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CỦA CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN:**

### 10. Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh, không gây độc đối với thủy sản nuôi, không gây ô nhiễm môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

### 11. Khung lồng, phao, lưới, đăng quăng

Yêu cầu: Làm bằng vật liệu bền, không gây ô nhiễm môi trường và không gây độc hại cho thủy sản nuôi, không để thủy sản nuôi sống thoát ra môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

### 12. Phao tiêu, đèn tín hiệu, biển cảnh báo

Yêu cầu: Có phao tiêu, đèn tín hiệu, biển cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

### 13. Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu

Yêu cầu: Bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

14. Dụng cụ chứa, xử lý rác thải, chất thải, thủy sản chết

Yêu cầu: Dụng cụ chứa rác thải phải riêng biệt với dụng cụ chứa, xử lý thủy sản chết, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

15. Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè

Yêu cầu: Có giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại cơ sở.